

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH YÊN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 153/2017/HS-ST

Ngày 27 tháng 12 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Lý.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Đỗ Thị Nga;

- Ông Sái Văn Trọng.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Đặng Thị Ngọc Linh- Thư ký
Toà án nhân dân thành phố Vinh Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Yên tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thúy Hằng- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vinh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 131/2017/HS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 137/2017/HSST- QĐ ngày 21 tháng 11 năm 2017, đối với bị cáo:

Nguyễn Đức B (gọi là B), sinh ngày 08/02/1989; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vinh Phúc; nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; bố đẻ Nguyễn Đức A, mẹ đẻ Nguyễn Thị H; có vợ là Nguyễn Thị V (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2011; tiền án: Không; tiền sự: 01. Tại Quyết định số: 11 ngày 30/9/2016, Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Nguyễn Đức B, thời hạn 18 tháng. Ngày 25/5/2017, B bị Công an thành phố Vinh Yên bắt đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm Giáo dục- Lao động xã hội tỉnh Vinh Phúc. Ngày 14/6/2017, Trung tâm Giáo dục- Lao động xã hội tỉnh Vinh Phúc quyết định tạm thời đưa người ra khỏi cơ sở cai nghiện bắt buộc để thi hành lệnh bắt tạm giam đối với B về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; nhân thân: Tại Bản án số 02/2014/HS-ST ngày 03/01/2014 Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên xử phạt Nguyễn Đức B 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, giá trị tài sản thiệt hại 6.000.000,đ. B ra trại ngày 05/7/2014, thi hành xong án phí dân sự tháng 02/2014 (Không tính là tiền

án do áp dụng Luật mới, có lợi cho bị cáo). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/6/2017 cho đến nay (có mặt).

Người bị hại:

- Anh Đường Vinh T, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Anh Trần Đình B, sinh năm 1995; nơi cư trú: Xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Thiên T, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1997; nơi cư trú: Xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Anh Trần Văn N, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Anh Dương Đình A, sinh năm 1989; nơi cư trú: đường L, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Trường H, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ dân phố V, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Lương B, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ 5, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang (vắng mặt).

- Anh Trần Văn T, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1960; nơi cư trú: Thôn X, xã N, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Kim B, sinh năm 1955; địa chỉ: Văn phòng công chứng K, thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Anh Ly Mí N, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn C, xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Giang (vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Đức B bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trong các ngày 03/8/2016 và 01/10/2016, Nguyễn Đức B đã thực hiện 01 vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” trên địa bàn thành phố Vĩnh Yên và 01 vụ án “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” trên địa bàn huyện Tam Dương; hành vi cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Do có mối quan hệ bạn bè từ trước, khoảng 15 giờ 30 phút ngày 03/08/2016, Nguyễn Đức B đang ở nhà thì nhận được điện thoại của anh Đường Vinh T hỏi vay số tiền 5.000.000,đ. B nghĩ anh T sẽ đi xe máy đến vay tiền nên nảy sinh ý định lừa dối anh T có tiền cho vay, mục đích để chiếm đoạt chiếc xe máy bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. B hẹn gặp anh T ở cổng siêu thị điện máy HC thuộc phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên để đưa tiền. Anh T điều khiển xe máy Honda Dream BKS: 88F1-101.6X mượn của anh Nguyễn Thiên T. Sau khi hẹn anh T, B rủ Vũ Quang H cùng đi taxi đến gặp anh T. Khi gặp anh T tại cổng siêu thị điện máy HC, B hỏi mượn xe máy để đi lấy tiền và dặn Huy ngồi cùng anh T chờ B quay lại. Anh T tin tưởng nên đã giao xe máy BKS: 88F1-101.6X cho B mượn. Sau khi lấy được xe, B điều khiển xe máy đến cổng chợ Vĩnh Yên thì gặp anh Trần Văn N đang đi ngoài đường và hỏi bán xe cho anh N với giá 8.000.000,đ và giao giấy tờ xe sau, anh N đồng ý đưa trước cho B 4.000.000,đ. B cầm 4.000.000,đ rồi đi taxi đến Dốc Láp, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên gọi điện cho Huy, bảo Huy đến chỗ B, để mặc cho anh T ngồi chờ. Sau đó, B và Huy cùng nhau tiêu xài hết số tiền 4.000.000,đ.

Sau khi mua xe máy của B, anh Ngủi xe tại sân nhà anh Hoàng Văn B, ở khu hành chính 10, phường Đồng Đa, thành phố Vĩnh Yên. Đến khoảng 09 giờ ngày 05/8/2016, anh N nhận được điện thoại của người xưng tên là B muốn chuộc xe. Do anh N không ở thành phố Vĩnh Yên nên đã điện thoại cho anh Nguyễn Việt A ở khu hành chính X, phường N, thành phố V đến nhà anh B lấy xe máy gặp người chuộc xe. Sau đó anh Việt A rủ anh Hoàng Văn T, ở khu hành chính 10, phường Đ điều khiển đi xe máy BKS 88F1-101.62 chở anh Việt A ra khu vực cầu vượt Đồng Đa thì bị lực lượng Công an phát hiện thu giữ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 137/KL- HĐĐG ngày 17/8/2016 của Hội đồng định giá kết luận giá trị chiếc xe máy Honda Dream BKS: 88F1-101.62 là 9.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Sáng ngày 01/10/2016, Nguyễn Đức B và anh Trần Đình B, chơi điện tử tại quán HN ở thôn 12, xã H, huyện T. Trong khi chơi B nhắn tin qua mạng xã hội Facebook cho Bùi Thanh B1, ở thôn Viên Du, xã Thanh Vân, huyện Tam Dương hỏi xin ma túy đá để sử dụng, B đồng ý và bảo B đến nhà gặp B1. Do không có phương tiện đi lại nên B bảo anh B mượn xe máy. Khoảng 12 giờ cùng ngày, anh B mượn được xe máy Honda Wave RSX, màu đỏ- đen, BKS: 88K1-097.84 của anh Nguyễn Văn T đang ngồi chơi điện tử ở quán. Sau đó B chở B đến khu vực chợ tạm xã Thanh Vân, huyện Tam Dương thì bảo anh B ngồi chờ, B mượn chiếc điện thoại nhãn hiệu HTC, màu đen của anh B để liên lạc với B1. B cầm điện thoại và điều khiển xe đi nhưng không gặp B1. B

gọi điện, B1 hẹn B đến khu vực gốc Vừng, xã Định Trung, thành phố Vĩnh Yên. Nhưng khi B đến không gặp được B1. Do muốn có tiền để mua ma túy sử dụng, khoảng 16 giờ cùng ngày, B mang chiếc xe máy Honda Wave RSX, màu đỏ- đen, BKS: 88K1-097.84 bán cho anh Dương Đình A được 5.000.000,đ. Giấy bán xe B viết giấy tờ xe đang bị Cảnh sát giao thông thành phố giữ nên sẽ giao sau. B tiếp tục bán điện thoại di động HTC của anh B được 200.000,đ cho một cửa hàng điện thoại di động ở phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên (không nhớ địa chỉ cụ thể). Tổng số tiền bán xe máy và điện thoại là 5.200.000,đ B tiêu xài cá nhân hết và bỏ trốn lên tỉnh Lào Cai, không liên lạc với anh B, mục đích để trốn tránh.

Sau khi anh Đình A mua chiếc xe máy BKS: 88K1- 097.8X không thấy B quay lại đưa giấy tờ xe, ngày 15/10/2016, anh Đình A bán chiếc xe trên cho anh Nguyễn Trường H, ở Vĩnh Ninh, phường Tích Sơn, thành phố Vĩnh Yên với giá 5.000.000 đồng, anh H giao xe máy cho anh Trần Văn T, ở thôn Lỗ Quynh, xã Trung Nguyên, huyện Yên Lạc để sửa chữa và xem có khách mua thì bán. Để thuận lợi cho việc mua bán xe, anh T thuê ông Nguyễn Đức V rút hồ sơ đăng kí xe. Thông qua anh Nguyễn Hữu Th, ở Khu 5, thị trấn Tứ Trưng, huyện Vĩnh Tường, anh T bán chiếc xe trên cho anh Nguyễn Lương B, ở Tổ 5, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Anh T nói với ông V làm thủ tục rút hồ sơ đăng kí xe và hợp đồng mua bán xe cho anh Nguyễn Lương B. Nên ông V đến gặp ông Nguyễn Kim B, Công chứng viên tại Văn phòng công chứng K ở Thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc làm thủ tục chuyển nhượng, mục đích rút hồ sơ xe máy BKS: 88K1-097.8X. Thông qua mối quan hệ ngoài xã hội, ông V biết đúng tên chủ sở hữu xe là bà Hoàng Thị L ở Xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc nên điền tên người bán xe là bà Hoàng Thị L, bên mua là Nguyễn Đức V tại Văn phòng công chứng rồi ông Bang công chứng vào Hợp đồng trên. Sau đó, ông V đến Công an huyện Tam Dương hoàn thiện các thủ tục xin rút hồ sơ xe máy BKS: 88K1-097.8X. Ngày 22/11/2016, Công an huyện Tam Dương bàn giao hồ sơ đăng kí xe mô tô BKS: 88K1-097.8X cho ông Vĩnh. Ông V viết tờ khai đề nghị sang tên đổi chủ từ chủ xe Hoàng Thị L sang tên Nguyễn Lương B rồi đưa lại hồ sơ cho anh Trần Văn T, anh T trả công cho V 1.000.000,đ. Sau đó, anh T giao lại hồ sơ đăng kí xe cho anh Thành, anh Thành chuyển hồ sơ đăng ký và xe máy BKS: 88K1-097.84 cho anh Nguyễn Lương B, anh B làm thủ tục đổi màu sơn của chiếc xe từ màu đỏ- đen sang thành màu sơn trắng- đen và bán chiếc xe cho anh Ly Mí N, ở Thôn Cầm T, xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Giang với giá 16.300.000,đ. Anh Ly Mí N đã làm thủ tục đăng kí xe và được Công an huyện Đồng Văn cấp đăng kí mới mang tên chủ sở hữu là Ly Mí N có BKS mới là 23N1-087.42.

Ngày 26/04/2017, anh Ly Mí Nự nguyện giao nộp chiếc xe máy BKS: 23N1-087.42 và đăng ký của xe cho Cơ quan điều tra Công an huyện Tam Dương để phục vụ công tác điều tra.

Ngày 11/5/2017 và ngày 27/6/2017, ông Nguyễn Đức V tự nguyện giao nộp tổng số tiền 17.300.000,đ (trong đó 1.000.000,đ do anh T trả công rút hồ sơ xe, còn 16.300.000,đ là trị giá xe máy anh Bằng bán cho anh Ly Mí N).

Tại Kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐG ngày 19/4/2017 của Hội đồng định giá kết luận trị giá chiếc xe máy BKS: 88K1-097.84 (nay có BKS: 23N1-087.4X) là 8.500.000 đồng. Đối với chiếc điện thoại di động HTC, màu đen của anh Trần Đình B, không định giá được do không có căn cứ để định giá.

Tại Cáo trạng số 136/KSĐT-KT ngày 13/11/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên truy tố bị cáo Nguyễn Đức B về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên.

Người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra đã khai nhận như đã nêu trên; anh Trần Văn N vắng mặt tại phiên tòa, quá trình điều tra khai nhận ngày 03/8/2016, do tin tưởng nên anh đã mua của Nguyễn Đức B 01 xe máy BKS: 88F1-101.6X với giá 8.000.000,đ, đưa trước 4.000.000,đ, anh Không biết xe máy là do B lừa đảo mà có. Nay anh N yêu cầu B phải trả cho anh số tiền 4.000.000,đ.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, áp dụng khoản 1 Điều 139, điểm b khoản 1 Điều 140; điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức B từ 12 đến 15 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; buộc bị cáo Nguyễn Đức B phải chấp hành hình phạt tù chung của cả hai tội từ 21 tháng đến 27 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 14/6/2017).

Áp dụng khoản 1 Điều 41; Điều 42 của Bộ luật Hình sự; Điều 357, Điều 468, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Nguyễn Đức B phải bồi thường thiệt

hại cho anh Trần Văn N số tiền 4.000.000,đ (Bốn triệu đồng); Tịch thu, sung quỹ nhà nước số tiền 1.000.000,đ của Nguyễn Đức V.

Bị cáo không bào chữa và tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo,

XÉT THẤY:

Lời khai nhận tội nêu trên của bị cáo Nguyễn Đức B tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản thu giữ tang vật, kết luận định giá tài sản... và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập khách quan, đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Trong các ngày 03/8/2016 và 01/10/2016, Nguyễn Đức B đã thực hiện 01 vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 01 vụ án “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Cụ thể như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 03/8/2016, tại cổng siêu thị điện máy HC thuộc phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, bị cáo Nguyễn Đức B đã có hành vi gian dối chiếm đoạt 01 xe máy BKS: 88F1- 101.62 của anh Đường Vinh T. Giá trị chiếc xe máy là 9.000.000,đ

Khoảng 12 giờ ngày 01/10/2016, tại khu vực chợ tạm xã Thanh Vân, huyện Tam Dương, bị cáo Nguyễn Đức B đã có hành vi lợi dụng sự tin tưởng của người khác để chiếm đoạt 01 xe máy BKS: 88K1- 097.8X và 01 điện thoại di động nhãn hiệu HTC của anh Trần Đình B. Giá trị chiếc xe máy là 8.500.000,đ

Tổng giá trị thiệt hại 02 xe máy là 17.500.000,đ.

Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự, cả 02 tội đều có khung hình phạt tù đến 03 năm.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương, làm nhân dân lên án và bất bình. Do đó, cần phải xử lý thật nghiêm minh nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 139 và điểm b khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự, có mức cao nhất của khung hình phạt của mỗi tội đến 03 năm tù. Theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Bộ luật Hình sự thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm ít nghiêm trọng.

Bị cáo Nguyễn Đức B là người đã thành niên, có khả năng lao động, trước khi phạm tội bị cáo có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” đã được xóa án tích và có 01 tiền sự buộc đi cai nghiện, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội, vì động cơ vụ lợi mà gian dối và lợi dụng sự tin tưởng của người khác để chiếm đoạt tài sản, trong một thời gian ngắn bị cáo đã thực hiện hai vụ án. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, tương ứng với tính chất, mức độ phạm tội mà bị cáo gây ra.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã “Thành khẩn khai báo”, sau khi phạm tội người bị hại đã nhận lại tài sản. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo không bị áp dụng.

Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, tuy nhiên trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân xấu, trong một thời gian ngắn bị cáo thực hiện 02 vụ án. Do đó, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện, công dân có ích cho xã hội.

Về trách nhiệm dân sự và vật chứng của vụ án:

Đối với số tiền 1.000.000,đ do ông Nguyễn Đức V giao nộp, là tiền ông V thu lời bất chính từ việc làm giả chữ ký của bà Hoàng Thị L trong hợp đồng mua bán xe máy, nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với anh Trần Văn N là người mua xe máy của B với giá 4.000.000,đ, do anh N không biết xe máy là tài sản do B phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không xử lý. Nay anh N yêu cầu B trả lại số tiền 4.000.000,đ là phù hợp. Tại phiên tòa bị cáo B nhất trí bồi thường cho anh N số tiền 4.000.000,đ, nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

Đối với xe máy BKS 88F1-101.62, quá trình điều tra xác định là tài sản của anh Nguyễn Thiên T. Ngày 03/8/2016, anh T cho anh T mượn xe và bị B

lừa đảo chiếm đoạt. Ngày 23/8/2017, Cơ quan điều tra trả lại xe máy cho anh Trường, sau khi nhận lại tài sản anh Trường không yêu cầu về bồi thường dân sự.

Đối với chiếc điện thoại di động của Nguyễn Đức B sử dụng vào việc phạm tội, do B đã làm mất, không biết vị trí cụ thể nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với chiếc điện thoại HTC, màu đen là tài sản của anh Trần Đình B do B chiếm đoạt bán lấy 200.000,đ tiêu xài cá nhân hết. Cơ quan điều tra không thu giữ được, phía anh B không yêu cầu về bồi thường dân sự. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với xe máy BKS 88K1-097.8X chủ sở hữu là bà Hoàng Thị L(mẹ đẻ của anh T). Ngày 01/10/2016, bà L cho anh T sử dụng, anh T cho anh B mượn và bị B chiếm đoạt, sau đó đã được chuyển nhượng cho anh Ly Mí N. Bà L yêu cầu B bồi thường số tiền 14.000.000,đ vì xe đã sang tên đổi chủ. Anh Ly Mí N yêu cầu nhận lại xe máy vì đã được sang tên anh. Ngày 27/9/2017, bà L ủy quyền cho anh T đã nhận lại số tiền 14.000.000,đ, ngày 02/10/2017, Cơ quan điều tra trả lại xe máy BKS 23N1-087.42 và đăng ký xe cho anh Ly Mí N. Sau khi nhận tài sản Bà L, anh N không yêu cầu về bồi thường dân sự.

Về số tiền 16.300.000,đ ông Nguyễn Đức V tự nguyện nộp cho Cơ quan điều tra, để Nguyễn Đức B khắc phục hậu quả trả cho bà Hoàng Thị L số tiền 14.000.000,đ là trị giá xe máy BKS 88K1-097.84. Nay ông V không yêu cầu B phải trả lại số tiền 14.000.000,đ. Còn lại số tiền thừa 2.300.000,đ, ngày 10/10/2017, Cơ quan điều tra trả lại cho ông V, sau khi nhận lại tiền ông V không yêu cầu về bồi thường dân sự.

Đối với Dương Đình A là người mua xe máy BKS 88K1-097.84 của B với giá 5.000.000,đ và anh Nguyễn Trường H, Trần Văn T, Nguyễn Lương B, Ly Mí N là những người mua đi, bán lại xe máy BKS 88K1-097.84 nhưng đều không biết xe máy là tài sản do B phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với Vũ Quang H là người B rủ cùng đi gặp anh T và cùng B tiêu xài số tiền bán xe máy. Do chưa đủ cơ sở để xử lý đối với Huy, nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ xử lý sau.

Quá trình điều tra xác định anh Hoàng Văn N, Hoàng Văn T và Nguyễn Việt A là người những người trông giữ, sử dụng xe máy nhưng không biết xe máy do B phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với việc Nguyễn Đức B điện thoại xin ma túy đá của Bùi Thanh B để sử dụng. Do chưa đủ cơ sở để làm rõ hành vi liên quan đến ma túy của Bình và B. Nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Đối với hành vi làm giả hồ sơ để rút hồ sơ gốc xe máy BKS 88K1-097.8x tại Công an huyện Tam Dương của Nguyễn Đức V và Nguyễn Kim B. Do ông V và ông B không biết tài sản do B phạm tội mà có. Hành vi làm giả hợp đồng mua bán xe và giả chữ ký của bà Lan bán xe cho ông V, không phải làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức nên không cấu thành tội phạm, Cơ quan điều tra không xử lý đối với ông V và ông B. Về hành vi công chứng Hợp đồng mua bán xe của ông B- Công chứng viên Văn phòng công chứng K có trụ sở tại xã H, huyện T tạo điều kiện cho người tham gia hợp đồng, giao dịch thực hiện giao dịch giả tạo đã vi phạm quy định tại điểm b, khoản 1 điều 7 Luật công chứng năm 2014. Do hành vi của ông B xảy ra trên địa bàn huyện T, nên Cơ quan điều tra đã có văn bản đề nghị Công an huyện T xử lý đối với ông Nguyễn Kim B theo thẩm quyền.

Về các vấn đề khác: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 139, điểm b khoản 1 Điều 140; điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức B 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 01 (một) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; buộc bị cáo Nguyễn Đức B phải chấp hành hình phạt tù chung của cả hai tội là 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 14/6/2017).

Áp dụng khoản 1 Điều 41; Điều 42 của Bộ luật Hình sự; Điều 357, Điều 468, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

- Buộc bị cáo Nguyễn Đức B phải bồi thường cho anh Trần Văn N số tiền 4.000.000,đ (Bốn triệu đồng).

- Tịch thu, sung quỹ nhà nước số tiền 1.000.000,đ của Nguyễn Đức V.

(Đặc điểm tang vật như Biên bản bàn giao vật chứng ngày 13/12/2017).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên và người phải thi hành án không trả được thì các bên có quyền thỏa thuận lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Nếu các bên

không thỏa thuận được thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Đức B phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự trong hình sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố Vĩnh Yên;
- Công an thành phố Vĩnh Yên;
- Trại tạm giam CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục thi hành án Vĩnh Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Lý